TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày: 22-02-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.
Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu; ông Nguyễn Nam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 08/02/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/5/1973; giới tính: Nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn M, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Đặng Thị K; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con lớn; có chồng là Bùi Ngọc T (đã ly hôn), có 01 con. Tiền án: Bản án số 263/2007/HSPT ngày 29/3/2007, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 10 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 07/2/2006, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 543.000.000 đồng cho các bị hại; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/9/2012; bị cáo đã bồi thường 103.360.000 đồng; số tiền còn lại là 439.640.000 đồng bị cáo chưa bồi thường. Tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 27A/2020/HS-ST ngày 05/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với các hành vi

lừa đảo của bị cáo Nguyễn Thị P thực hiện trong giai đoạn từ tháng 3/2018 đến 30/6/2019, thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2019. Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 27A/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tại Trại giam Hoàng Tiến, Cục C10, Bộ công an. Ngày 24/11/2020, Nguyễn Thị P được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Phạm Công H (tên gọi khác là G), sinh năm 1951

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đặng Thị K, sinh năm 1950 (có mặt)

Nơi cư trú: M, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Người làm chứng:*

Ông Phạm Văn C, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 13, phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phạm Công H (tên gọi khác là G) đi bộ đội từ năm 1971 đến năm 1974 và bị nhiễm chất độc màu da cam. Sau khi phục viên về địa phương, ông H làm thất lạc toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc bị nhiễm chất độc màu da cam. Để được hưởng chế độ của người bị nhiễm chất độc màu da cam, ông H nhờ ông Phạm Văn C là bạn bè quen biết tìm người làm giấy tờ để ông H được hưởng chế độ.

Khoảng giữa năm 2017, ông C đi đám ma ở tổ 13, phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình gặp bị cáo Nguyễn Thị P, bị cáo P giới thiệu với ông C là có khả năng làm chế độ chất độc màu da cam cho những người tham gia kháng chiến chống Mỹ từ vĩ tuyến 17 trở vào miền Nam. Bị cáo Ph có nhờ ông C tìm người có nhu cầu làm chế độ chất độc màu da cam thì giới thiệu cho bị cáo. Khoảng tháng 8/2017, ông C dẫn bị cáo đến gặp ông H, tại nhà ông H, bị cáo P nói có thể giúp ông H làm được chế độ chất độc màu da cam. Tại đây, bị cáo yêu cầu ông H cho xem giấy tờ đi bộ đội, sau khi xem xong, bị cáo P nói với ông H: “Cháu chạy cho người ta nhận sổ da cam là 35.000.000 đồng, nhưng chú

không có giấy tờ cháu phải chạy mất khoảng 5.000.000 đồng nữa, tổng là 40.000.000 đồng để nhận sổ da cam". Đồng thời, bị cáo P yêu cầu ông H làm một số giấy tờ liên quan đến việc ông H có hai tên và xác thực đi bộ đội. Ông H đồng ý, đi làm giấy tờ đưa cho bị cáo P. Trong thời gian từ tháng 08/2017 đến tháng 11/2017, bị cáo P nhiều lần đến nhà gặp ông H nói chuyện. Do ông H bị nặng tai, khó khăn trong việc nghe nên bị cáo P viết ra giấy nội dung: *"Bác đưa Kinh phí em Làm cho Kịp trước tết. Hôm qua con bác nói chưa Em nhờ hết cho. Bác cất đi, khi em làm xong, bác gửi lại em giấy đấy. E viết thế cho yên tâm. Cuối tháng có lịch đi khám, em sang báo trước cho bác. Đi Trong ngày rồi về luôn"* để ông H đọc hiểu. Ngày 09/11/2017, trước sự chứng kiến của ông C, ông H giao cho bị cáo P số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), bị cáo P nhận tiền và đưa cho ông H 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 09/11/2017, nội dung: *"Tôi là Nguyễn Thị P, trú tại phường P, thành phố T có vay của bác Phạm Công H, số tiền 40.000.000 đồng"*, ký, ghi họ tên Nguyễn Thị P. Mục đích bị cáo P viết giấy biên nhận có nội dung vay tiền để ông H tin tưởng, thực chất không có việc bị cáo vay tiền của ông H. Sau khi nhận tiền, bị cáo P đã sử dụng hết số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Sau khoảng 03 đến 04 tháng, không thấy bị cáo P đưa sổ hưởng chế độ chất độc mau da cam như đã hứa hẹn, ông H nhờ ông C gọi điện hỏi nhiều lần, bị cáo liên tục khất lần, hứa hẹn sẽ làm sớm cho ông Hạnh, sau đó một thời gian, bị cáo P lẩn tránh, không nghe điện thoại của ông C.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị P thừa nhận chữ viết tay trong giấy biên nhận tiền với người đàn ông tên H (tên gọi khác là G) là của mình, thừa nhận mặc dù bản thân không có khả năng làm chế độ chất độc màu da cam nhưng vẫn nói với ông H là bản thân có khả năng làm chất chế độ chất độc màu da cam, để chiếm đoạt của ông H số tiền 40.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên, ngày 09/12/2020, bị cáo P thay đổi lời khai: Bị cáo P thừa nhận có cầm của ông G (tức H) 40.000.000 đồng nhưng không nhớ nhận tiền của ông G với mục đích gì.

Cáo trạng số 14/CT-VKSNDTP ngày 17/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị P về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38; điều 50; điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 năm tù tại bản án số 27A/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 14 năm tù đến 14 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại không có ý kiến, đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là ông Phạm Công H (bút lục số 23 đến 30); bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Phạm Văn C (bút lục số 101 đến

106); biên bản đối chất giữa bị cáo và bị hại (bút lục số 95, 96); biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Khiếu (bút lục số 111, 112); biên bản nhận dạng Nguyễn Thị P (bút lục số 50 đến 94); bản kết luận giám định số 101/KLGĐ-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 47). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/11/2017, tại nhà ông Phạm Công H (tên gọi khác là G) ở thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Thị P mặc dù không có khả năng làm chế độ cho người nhiễm chất độc màu da cam, nhưng có hành vi nói dối ông Phạm Công H có khả năng làm chế độ trên cho ông H để chiếm đoạt của ông H số tiền 40.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 174 Bộ luật Hình sự: Tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định: "*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; b)…5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".*

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do bị cáo đang phải chấp hành bản án số 27A/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình về tội đã phạm trước khi có bản án này, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản điều 56 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt chung của cả hai bản án đối với bị cáo. Do bị

cáo đang phải chấp hành bản án tại Trại giam, bị cáo không có vệc làm và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Thị P có nhân thân xấu, bị cáo đang chấp hành hình phạt 12 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, do đó, bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị P đã chiếm đoạt của ông Phạm Công H (G) 40.000.000 đồng, ngày 18/02/2021, mẹ đẻ của bị cáo là bà Đặng Thị K đã bồi thường cho ông H (G) 40.000.000 đồng, ông H đã nhận đủ tiền, không có ý kiến, đề nghị gì khác nên không đặt ra giải quyết. Bà Đặng Thị K không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với ông Phạm Văn C là người giới thiệu bị cáo P cho ông Phạm Công H để ông H nhờ làm chế độ người bị nhiễm chất độc màu da cam. Bản thân ông C cũng nghĩ P có thể làm được chế độ cho ông H, không biết việc P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi từ việc P lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông H, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với ông C là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm h khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 50; điều 38; điều 56 Bộ luật Hình sự; căn cứ vào điều 135; điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 năm tù tại bản án số 27A/2020/HS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **14** (mười bốn) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2019.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo Nguyễn Thị P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/02/2021. Bị hại là ông Phạm Công H (G) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái